

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3431/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 11 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*



*Căn cứ Quyết định số 3652<sup>a</sup>/QĐ-BNN-LN ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5537/TTr-SNN ngày 14 tháng 11 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

### **1. Về thủ tục hành chính**

- Cấp tỉnh: sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính lĩnh vực kiểm lâm mã 3.000159; 3.000160.

- Cấp huyện bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực kiểm lâm mã: 3.000175.

### **2. Về Quy trình điện tử, nội bộ giải quyết thủ tục hành chính**

- Cấp tỉnh: sửa đổi 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực kiểm lâm mã 3.000159; sửa đổi 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực kiểm lâm mã 3.000160.

- Cấp huyện bãi bỏ 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực kiểm lâm mã: 3.000175.

*(Nội dung TTHC, quy trình điện tử, nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).*

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thành phố: Biên Hòa, Long Khánh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật, công khai thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố: Biên Hòa, Long Khánh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cấu hình nội dung, quy trình điện tử đối với những thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thành phố: Biên Hòa, Long Khánh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Sơn Hùng**





Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BẠI BỎ LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHỈNH CẤP TỈNH**

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 3652a/QĐ-BNN-LN ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức
<b>Lĩnh vực kiểm lâm</b>								
1	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: <b>04 ngày</b> làm việc - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra ( <b>khi có thông tin vi phạm</b> ): <b>06 ngày</b> làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Chi cục Kiểm lâm (Địa chỉ: Khu phố 7, P. Bình Đa TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp qua Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc qua hòm thư điện tử	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Không	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 3652a/QĐ-BNN-LN ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến,	- Trường hợp <b>không kiểm tra</b> , xác minh: <b>05 ngày</b> làm việc - Trường hợp <b>phải kiểm tra</b> , xác minh: <b>13 ngày</b> làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm	Không	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 3652a/QĐ-BNN-LN ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức



	nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		- Nộp trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.dongnai.gov.vn">https://dichvucong.dongnai.gov.vn</a> hoặc <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>		2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.	năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
--	-------------------------------	--	--	--	-----------------------------------	--

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>								
1	1.000175	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: <b>04 ngày</b> làm việc - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra ( <b>khi có thông tin vi phạm</b> ): <b>06 ngày</b> làm việc	- Nhận trực tiếp tại văn phòng Hạt Kiểm lâm các Huyện và Tp. Biên Hòa	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 3652a/QĐ-BNN-LN ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



**Phần II**  
**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ, NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT**  
**TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**A. QUY TRÌNH NỘI BỘ**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. LĨNH VỰC KIỂM LÂM**

- Tên thủ tục hành chính: Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (3.000159)
  - a. Trường hợp không phải xác minh**
    - Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc
- Quy trình

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân và chuyển cho Lãnh đạo Chi cục	→	Phòng Hành chính tổng hợp	0,25
Có ý kiến chỉ đạo và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→	Phòng Sử dụng và phát triển rừng hoặc Các Hạt Kiểm lâm	3
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25
Nhận kết quả và trả cho tổ chức cá nhân	→	Phòng Hành chính tổng hợp	0,25



- a. Trường hợp phải xác minh**
- Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc
  - Quy trình

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân và chuyển cho Lãnh đạo Chi cục	→	Phòng Hành chính tổng hợp	0,25
Có ý kiến chỉ đạo và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Sử dụng và phát triển rừng hoặc Các Hạt Kiểm lâm	5
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25
Nhận kết quả và trả cho tổ chức cá nhân	→	Phòng Hành chính tổng hợp	0,25

**B. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ****I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH****1. LĨNH VỰC KIỂM LÂM**

- Tên thủ tục hành chính: Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (3.000160)
- **a. Trường hợp không phải xác minh**
  - Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc Quy trình

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Sử dụng và phát triển rừng	3
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5



## b. Trường hợp phải xác minh

- Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc  
Quy trình

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Sử dụng và phát triển rừng	11
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5